Người ký: SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Email: sgtvt@thuathienhue.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Thời gian ký: 28.02.2024 16:59:01 +07:00

(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 431 /QĐ-SGTVT ngày 28 /02/2024, của Sở GTVT tỉnh Thừa T

Từ ngày: 01/01/2024 **Đến ngày: 31/01/2024**

Loại hình: Tất cả loại phương tiện

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Địa chỉ Đơn vị vận tải
				Lần	/1000 Km		
1	50F03823	Xe bus	CN HUẾ CÔNG TY CP XE KHÁCH PHƯƠNG TRANG FUTABUSLINES	9	8,73646	1.030,17	97 An Dương Vương, Phường An Đông, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
2	75H00756	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÙNG ĐẠT	34	11,63988	2.920,99	79 Hoàng Diệu, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
3	75H01077	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÙNG ĐẠT	29	5,38750	5.382,83	
4	75H00509	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÙNG ĐẠT	26	7,61439	3.414,59	
5	75H01147	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÙNG ĐẠT	25	6,91363	3.616,04	
6	75H00705	Xe đầu kéo	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÙNG ĐẠT	24	5,27039	4.553,75	
7	75B01824	Xe bus	CÔNG TY CP VẬN TẢI Ô TÔ VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP TTHUẾ	11	11,00000	635,06	330 Điện Biên Phủ, P. Trường An, TP. Huế, Tỉnh TT. Huế
8	75B01536	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH 1TV VẬN TẢI BẢO KHANH	39	6,43022	6.065,11	Thôn Hòa Mỹ, X. Lộc Bổn, H. Phú Lộc, tỉnh TT. Huế
9	75B01854	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH 1TV VẬN TẢI BẢO KHANH	29	6,99230	4.147,42	
10	75H01285	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH 1TV XÂY DỰNG TỔNG HỢP THANH DŨNG	161	22,13835	7.272,45	3/154 Bà Triệu, P. Phú Hội, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
11	75E00264	Xe taxi	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DU LỊCH BẢO KHANG	16	6,49095	2.464,97	82/5 Nguyễn Sinh Cung, P. Vĩ Dạ, TP, Huế, tỉnh TT. Huế
12	75E01470	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH HƯƠNG TY	24	24,00000	849,02	16 Tôn Thất Thiệp, P. Thuận Hòa, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
13	75B00770	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH HƯƠNG TY	9	9,00000	832,70	
14	75C00379	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV DVVT THẮNG LÀNH	45	8,92053	5.044,54	Thôn Mỹ Lam, Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
15	75H00284	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VƯƠNG LÊ	6	5,16012	1.162,76	62 Nguyễn Đức Cảnh, P. An Đông, TP. Huế, tỉnh TT. Huế

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Địa chỉ Đơn vị vận tải
				Lần	/1000 Km		
16	75B01982	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV FESTIVAL BUS	54	7,17025	7.531,12	Lô D7 Khu QH Tùng Thiện Vương , Phường Vỹ Dạ, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
17	75C07194	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG PHẠM UNIQUE	106	12,79160	8.286,69	08 Tú Xương, P Tây Lộc, TP Huế, tỉnh TT. Huế
18	75C06620	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TM&VT HÀNG HÓA NHẬT MINH	76	6,95314	10.930,32	67 Nguyễn Đức Tịnh, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
19	12C08038	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TM&VT HÀNG HÓA NHẬT MINH	55	8,88180	6.192,44	
20	75H01558	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TMDV VÀ VẬN TẢI TIẾN LỰC	58	20,56981	2.819,67	Thôn Nam Phổ Hạ, Xã Lộc An, Huyện Phú Lộc, tỉnh TT. Huế
21	75H01551	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TMDV VÀ VẬN TẢI TIẾN LỰC	42	18,75925	2.238,90	
22	75H01535	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TMDV VÀ VẬN TẢI TIẾN LỰC	41	15,90849	2.577,24	
23	75H01373	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI VY AN KHANG	205	33,50478	6.118,53	Số 79, đường Nguyễn Văn, TT. Lăng Cô, Phú Lộc, TT. Huế
24	75B01947	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI MỸ HƯƠNG	448	22,83468	19.619,28	Lô B3 Tùng Thiện Vương, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, Tỉnh TT. Huế
25	75B01992	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI MỸ HƯƠNG	261	17,32166	15.067,84	
26	75B01720	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH NĂM LẠC	127	8,50478	14.932,79	60A Tôn Thất Thiệp, P. Thuận Hòa, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
27	75B01780	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH NĂM LẠC	86	10,69372	8.042,10	
28	75B01341	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH NĂM LẠC	65	6,19401	10.494,01	
29	75C07591	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TM VÀ DV THẾ ANH	50	5,83493	8.569,08	136 Lý Thái Tổ, Phường An Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
30	75H01647	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TM VÀ DV THẾ ANH	6	6,00000	465,40	
31	75H00520	Xe đầu kéo	HỘ KINH DOANH HOÀNG NHƯ THỊNH	53	8,63770	6.135,89	04/402 Lê Duẩn, P. Phú Thuận, TP. Huế, tỉnh TT. Huế

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Địa chỉ Đơn vị vận tải
				Lần	/1000 Km		
32	75H00031	Xe tải	HỘ KINH DOANH LÊ NHẬT TRƯỜNG	40	5,26748	7.593,76	Thôn An Lỗ, Xã Phong Hiền, Huyện Phong Điền, tỉnh TT. Huế
33	75H01194	Xe tải	HỘ KINH DOANH NGUYỄN THÀNH TRUNG	111	9,63105	11.525,22	243 Trần Huy Liệu, P. Phú Hoà, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
34	75H00975	Xe đầu kéo	HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	108	14,16810	7.622,76	47 Trần Quốc Toản, P. Tây Lộc, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
35	75H00783	Xe đầu kéo	HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN HIỆP	329	19,44048	16.923,45	Số 47 đường Lý Nhân Tông, P. Hương Chữ, TX. Hương Trà, tỉnh TT. Huế
36	75H00710	Xe đầu kéo	HỘ KINH DOANH TÔN NỮ THỊ HƯỜNG	146	14,93550	9.775,37	3/85 Tăng Bạt Hổ, P. Thuận Hòa, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
37	75E00422	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI BẢO TÍN	154	11,55081	13.332,40	156A Nguyễn Huệ, P. Phú Nhuận, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
38	75A14937	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ TÂN TRƯỜNG PHÁT	182	12,02292	15.137,75	155 Trường Chinh, P. An Đông, TP. Huế, Tỉnh TT. Huế
39	75H01326	Xe tải	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ TÂN TRƯỜNG PHÁT	42	15,42665	2.722,56	
40	75A17215	Xe du lịch	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI QUANG MINH	55	12,80116	4.296,49	Số 5 Kiệt 4A Hoài Thanh, P. Thuỷ Xuân, TP. Huế, TT. Huế
41	75B01856	Xe bus	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN ĐẠT	34	12,66803	2.683,92	Lô C8 khu TĐC Bàu Vá - P Thủy Xuân - Thành phố Huế
42	75B01859	Xe bus	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN ĐẠT	6	6,00000	310,11	
43	75E01565	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN LỰC	66	15,32501	4.306,69	99 An Dương Vương - Phường An Đông, TP. Huế, tỉnh TT. Huế
44	75F00082	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN LỰC	6	5,35865	1.119,69	
45	74E00258	Xe đầu kéo	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CÔNG NGHỆ HUẾ	255	25,08209	10.166,62	01 Cao Thắng, P. An Hòa , TP. Huế, TT. Huế

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Địa chỉ Đơn vị vận tải
				Lần	/1000 Km		
46	72C12874	Xe đầu kéo	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI CÔNG NGHỆ HUẾ	61	9,22763	6.610,58	01 Cao Thắng, P. An Hòa , TP. Huế, TT. Huế
47	75A15165	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI DU LỊCH BẮC TRUNG NAM	135	13,93324	9.689,06	18 Lê Chân, P. Phú Bài, TX. Hương Thủy, tỉnh TT. Huế
48	75B01851	Xe bus	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI DU LỊCH THÀNH PHỐ HUẾ	6	6,00000	561,97	Số 2 Khu E, Nguyễn Văn Linh, P. Hương Sơ, TP. Huế, TT. Huế
49	75H00690	Xe tải	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ BẠCH ĐẰNG	90	13,21722	6.809,30	44 Bùi Xuân Phái, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thuỷ, Thừa Thiên Huế
50	74B00705	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ HUYỆN PHÚ LỘC	221	25,97139	8.509,36	Thôn Diêm Trường, Xã Vinh Hưng, Huyện Phú Lộc, Tỉnh TT. Huế
51	75C08840	Xe tải	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TƯ ĐẠT	146	15,43079	9.461,60	78 Bến Nghé, P. Phú Hội, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
52	75E00261	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TƯ ĐẠT	97	9,59549	10.108,91	
53	75H01106	Xe đầu kéo	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ THÀNH CÔNG	17	6,99307	2.430,98	75 Phan Đình Phùng, P.Vĩnh Ninh, TP. Huế, Tỉnh TT.Huế
54	75B01778	Xe bus	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ THÀNH PHỐ HUẾ	15	15,00000	176,37	07 Nguyễn Thái Học, P. Phú Hội, TP. Huế, Tỉnh TT.Huế
55	75A18084	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TRƯỜNG AN	388	24,46994	15.856,19	44 Võ Liêm Sơn, P.Trường An, TP. Huế, Tỉnh TT. Huế
56	75C07492	Xe Container	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TRƯỜNG AN	155	38,54137	4.021,65	
57	75A15263	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TRƯỜNG AN	110	9,15466	12.015,73	
58	75A16683	Xe du lịch	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI Ô TÔ TRƯỜNG AN	104	8,05081	12.917,95	